TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 30/01/2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2017/TLST - HNGĐ ngày 26/10/2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX- ST ngày 18/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thanh Thu T

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H

Trú tại: Tiểu khu N, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2017 và bản tự khai ngày 27/10/2017 của nguyên đơn Đinh Thanh Thu T trình bày giữa chị và anh Nguyễn Đức H đã đăng ký kết hôn ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian chung sống chưa được bao lâu thì hai vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, chị và anh H đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn cho chị.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đức L – sinh ngày 13/9/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị T là được nuôi dưỡng cháu L vì cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Tại phiên hòa giải ngày 01/12/2017 anh Nguyễn Đức H trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị T. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn mối quan hệ được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Hai vợ chồng có một người con chung là cháu Nguyễn Đức L – sinh ngày 13/9/2012. Sau khi ly hôn anh H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị T và anh H một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: chị Đinh Thanh Thu T và anh Nguyễn Đức H đã đăng ký kết hôn ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận ly hôn của chị T và anh H. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thanh Thu T và anh Nguyễn Đức H là hoàn toàn có căn cứ hợp lý.

Về con chung: Hai bên đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức L – sinh ngày 13/9/2012. Chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L, nhưng xét thấy cháu L còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người

mẹ, chị T hiện tại là giáo viên, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức L – sinh ngày 13/9/2012 là hợp lý. Anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên miễn xét.

Án phí: Chị Đinh Thanh Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003957 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thanh Thu T và anh Nguyễn Đức H.

2. Áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức L – sinh ngày 13/9/2012. Anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 2/2017.

Chị T không được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung đối với anh H. Trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con anh H có quyền làm đơn để yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đinh Thanh Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003957 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/01/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Lâm Xướng